

Bản án số: 331/2023/DS-ST
Ngày 27 – 12 – 2023
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự.

Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 540/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 413/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh B, sinh năm 1968. Địa chỉ cư trú: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn K, sinh năm 1976 và chị Trần Hồng T, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: Ấp T3, xã T4, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa của ông Lê Thanh B, thể hiện:*

Ông B có tham gia các dây hội do anh Phạm Văn K, chị Trần Hồng T làm đầu thảo, cụ thể:

- Ông B mua 01 chung của dây hội mở ngày 10/01/2022 âm lịch, gồm 43 kỳ, loại 2.000.000 đồng/tháng với số tiền là 53.740.000 đồng. Khi đình hội (không nhớ chính xác ngày), anh K, chị T có làm giấy và sẽ trả lại bằng số tiền là 60.000.000 đồng, sau đó trả được 20.000.000 đồng và thiếu lại 40.000.000 đồng.

- Ông B tham gia 02 chung của dây hội mở ngày 10/02/2023 âm lịch, gồm 31 kỳ, loại 1.000.000 đồng/tháng; sau khi đóng được 06 kỳ thì anh K, chị T đình hội và thiếu lại số tiền 12.000.000 đồng.

Ngoài ra, anh K, chị T còn tham gia các dây hội do ông B làm đầu thảo, gồm:

- Tham gia 01 chung của dây hội mở ngày 15/8/2022 âm lịch, gồm 37 kỳ, loại 2.000.000 đồng/tháng; ngày 15/11/2022 âm lịch anh K, chị T bỏ hội 750.000 đồng (ở lần thứ 4), hốt được số tiền 45.950.000 đồng sau đó đóng được 11 lần thì không tiếp tục đóng hội chết. Tính đến khi mãn hội, thì anh K, chị T còn thiếu lại là 26 lần x 2.000.000 đồng = 52.000.000 đồng.

- Tham gia 01 chung của dây hội mở ngày 15/8/2022 âm lịch, gồm 37 kỳ, loại 3.000.000 đồng/tháng; ngày 15/12/2022 âm lịch anh K, chị T bỏ hội 1.000.000 đồng (ở lần thứ 5), hốt được số tiền 78.500.000 đồng sau đó đóng được 11 lần thì không tiếp tục đóng hội chết. Tính đến khi mãn hội, thì anh K, chị T còn thiếu lại là 26 lần x 3.000.000 đồng = 78.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hội anh K, chị T còn thiếu lại là 182.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông B thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, đối với các dây hội ông làm đầu thảo mà anh K, chị T tham gia. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (nhằm ngày 15/11/2023 âm lịch) thì anh K, chị T đã vi phạm 05 lần nên yêu cầu được tính bằng số tiền hội chết, phần đóng hội tiếp theo cho đến khi mãn hội là 21 lần do anh K, chị T đã vi phạm ở các lần đóng trước nên yêu cầu trả lại số tiền đã giao hội và tính lãi suất theo quy định của nhà nước. Cụ thể như sau:

- Dây hội 2.000.000 đồng: 5 lần x 2.000.000 đồng/lần + (21 lần x 1.250.000 đồng/lần) + (21 lần x 1.250.000 đồng/lần) x 20%/năm x 21 tháng = 10.000.000 đồng + 26.250.000 đồng + 9.187.500 đồng = 45.437.500 đồng.

- Dây hội 3.000.000 đồng: 5 lần x 3.000.000 đồng/lần + (21 lần x 2.000.000 đồng/lần) + (21 lần x 2.000.000 đồng/lần) x 20%/năm x 21 tháng = 15.000.000 đồng + 42.000.000 đồng + 14.700.000 đồng = 71.700.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền anh K, chị T phải trả là 40.000.000 đồng + 12.000.000 đồng + 45.437.500 đồng + 71.700.000 đồng = 169.137.500 đồng. Tuy nhiên, ông B yêu cầu trả lại số tiền 169.000.000 đồng (làm tròn số).

* Đối với anh Phạm Văn K, chị Trần Hồng T: Mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của ông B và các văn bản tố tụng nhưng các đương sự này không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông B và không tham gia hòa giải, xét xử.

XÉT THẤY:

[1] Anh Phạm Văn K, chị Trần Hồng T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp.

[2] Theo danh sách hội và lời trình bày tại phiên tòa của ông Lê Thanh B phù hợp với biên bản hòa giải ngày 11/8/2023 (đã được chị T thừa nhận trong vụ án trước đây ông B khởi kiện sau đó đã rút đơn), thể hiện:

Ông B có mua 01 chung hui của anh K, chị T với số tiền 53.740.000 đồng, khi đình hui các bên thỏa thuận trả lại số tiền là 60.000.000 đồng, sau đó đã thực hiện trả 20.000.000 đồng và còn thiếu lại 40.000.000 đồng; ông B tham gia 02 chung của dây hui mở ngày 10/02/2023 âm lịch, gồm 31 kỳ, loại 1.000.000 đồng/tháng; khi anh K, chị T đình hui đã đóng được 06 kỳ với số tiền 12.000.000 đồng. Ngoài ra, anh K, chị T tham gia 02 chung hui của ông B làm đầu thảo (01 chung loại 2.000.000 đồng/tháng, 01 chung loại 3.000.000 đồng/tháng). Tính đến khi mãn hui thì còn thiếu lại 26 lần với tổng số tiền là 130.000.000 đồng

Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh K, chị T không đưa ra ý kiến phản đối về những nội dung ông B đã khởi kiện lại nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của ông B về yêu cầu anh K cùng chị T có nghĩa vụ trả các khoản nợ, thấy rằng: Mặc dù, anh K xác định bản thân anh không liên quan gì đến vụ án nên không đồng ý nhận các văn bản tố tụng nhưng qua các tài liệu, chứng cứ ông B cung cấp như danh sách hui, biên nhận giao nhận tiền, thể hiện anh K cùng chị T đứng tên các giao dịch này; mặt khác, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh K, chị T nên anh K phải cùng có nghĩa vụ trả nợ theo Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông B tại phiên tòa là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận theo khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu của ông B về việc yêu cầu anh K, chị T trả số tiền 169.000.000 đồng, thấy rằng:

Như trên đã phân tích, tại thời điểm ngày 11/8/2023, anh K, chị T còn thiếu số tiền (tính đến khi mãn hui) là 182.000.000 đồng và anh K, chị T đã vi phạm nghĩa vụ nên ông B yêu cầu anh K, chị T phải trả bằng số tiền hui chết tính đến thời điểm xét xử đối với số lần vi phạm (05 lần), phần còn lại chưa đóng hui chết (21 lần) thì yêu cầu trả lại số tiền đã giao và tính lãi suất theo mức 20%/năm cho đến ngày mãn hui với tổng số tiền 169.000.000 đồng phù hợp với Điều 21 của Nghị định số 19/2021/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biên, phường.

Do vậy, việc ông B khởi kiện yêu cầu anh K, chị T trả lại số tiền 169.000.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh K, chị T phải chịu là 8.450.000 đồng (169.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 21 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh B.

Buộc anh Phạm Văn K, chị Trần Hồng T phải trả cho ông B tổng số tiền 169.000.000 đồng (một trăm sáu mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông B cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả, thì hàng tháng anh K, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Phạm Văn K, chị Trần Hồng T phải chịu 8.450.000 đồng (tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) (chưa nộp).

- Ông Lê Thanh B không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông B số tiền 4.550.000 đồng (bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai số 0000418 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Văn Càn